**VIỆT BẮC – TỐ HỮU**

**Đề 1: Phân tích 8 câu đầu**

**I. MỞ BÀI**

Tố Hữu là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Dù là nói chuyện mình hay kể chuyện người thì nhà thơ cũng luôn hướng đến nguồn cảm xúc lớn lao về đời sống chính trị cách mạng của dân tộc bằng những rung động của trái tim. Ông từng tâm sự “*Tôi đã phải lòng nhân dân, đất nước mình cho nên khi nói về nhân dân, đất nước tôi như đang nói chuyện với người đàn bà mình yêu*”. Trong sự nghiệp sáng tác của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị như tập thơ “Từ ấy”, “Máu và hoa” trong đó tiêu biểu nhất là bài thơ “Việt Bắc” trích trong tập thơ cùng tên. Lời thơ cất lên chan chứa chất trữ tình khi mượn hình tượng “mình – ta” để bộc lộ nỗi nhớ sau chiến thắng phải chia xa đặc biệt là qua các câu:

*“Mình về mình có nhớ ta*

*.........*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay"*

**II. THÂN BÀI**

**1. Khái quát**

Việt Bắc là căn cứ địa cách mạng, là cái nôi kháng chiến. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 7 năm 1954, hiệp định Giơ ne vơ được ký kết. Tháng 10 năm 1954, Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt bắc trở về Hà Nội. Nhân sự kiện lịch sử ấy Tố Hữu đã viết bài thơ “Việt Bắc”.

**2. 4 câu đầu**

Câu thơ mở đầu là một câu hỏi tu từ chứa nhiều cảm xúc:

*“Mình về mình có nhớ ta”*

Bài thơ mở đầu bằng một câu hỏi mang âm hưởng co dao tình yêu với cách xưng hô “mình” – “ta” vừa gần gũi, lại vừa dung dị, đời thường. “Mình” là tiếng gọi người ra đi - người chiến sĩ cách mạng, “ta” chính là đồng bào Việt Bắc. Câu hỏi cất lên gắn bó, thân thiết lại có chút bâng khuâng bồi hồi: Rằng người chiến sĩ cách mạng rời “Thủ đô gió ngàn” còn nhớ hay không những kỷ niệm ân tình, nồng thắm. Cách xưng hô “mình - ta” lại kết hợp với điệp từ “mình” cùng câu hỏi tu từ ngập ngừng đã diễn tả một tình cảm gắn bó thân thiết đầy yêu thương, làm cho nỗi nhớ càng trở nên day dứt khôn nguôi. Người Việt Bắc muốn hỏi người kháng chiến có nhớ:

*“Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”*

Mười lăm năm là khoảng thời gian gắn bó keo sơn giữa người chiến sĩ và người Việt Bắc từ những ngày khó khăn thiếu thốn đến ngày chiến thắng rạng ngời. Đó là một khoảng thời gian dài cùng nhau chiến đấu, cùng nhau vượt qua biết bao gian khổ. Từ “ấy” vang lên như một sự trân trọng của tác giả với những ngày tháng gắn bó. “Thiết tha”, “mặn nồng” là những từ nhấn mạnh tình cảm gắn bó keo sơn giữa người Việt Bắc và người cách mạng. Chỉ bằng đôi lời dung dị, Tố Hữu đã nhấn mạnh tình nghĩa thủy chung son sắt luôn hướng tới cách mạng, hướng tới những người chiến sĩ của người dân Việt Bắc.

Câu thơ tiếp theo như một lời nhắc nhở đối với người chiến sĩ cách mạng:

*“Mình về mình có nhớ không”*

Vẫn là câu hỏi tu từ, vẫn là cách xưng hô “mình” nhưng đây là câu hỏi vang lên như một lời nhắc nhở “có nhớ không”. Ấy là nỗi nhớ:

*“Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn”*

Rời núi rừng Việt Bắc về với Hà Nội của Ba Đình lộng gió, của hào hoa lãng mạn, liệu người chiến sĩ nhìn cây có nhớ núi non, nhìn sông có nhớ những thượng nguồn chơi vơi? Câu hỏi như một lời gợi nhắc hãy nhớ nơi gắn bó thủy chung, son sắc, nơi người cách mạng và người Việt Bắc đã cùng chiến đấu, cùng nhau vượt qua bao gian khổ. Khi nhìn thấy sông thì hãy nhớ đến nguồn, hãy nhớ đến sông núi Việt Bắc, nhớ đến những dòng sông cùng các chiến sĩ cách mạng chiến đấu. Điệp từ “nhìn” và “nhớ” dường như đã nhấn mạnh ý hỏi của người ở lại trong một xúc cảm rưng rưng nơi nước mắt là nhòe đi ánh nhìn. Mong muốn những người cách mạng luôn nhớ về nơi Việt Bắc. Chỉ với bốn dòng thơ đầu Tố Hữu đã tái hiện lại khung cảnh của buổi chia ly thật xúc động, nghẹn ngào và đầy chan chứa tình thương.

**3. Bốn câu tiếp**

Trong khung cảnh núi rừng hùng vĩ, cái se lạnh của Việt Bắc những người cách mạng chia tay trong tâm trạng:

*“Tiếng ai tha thiết bên cồn*

*.............*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*

Đại từ nhân xưng “ai” như đã cất thay cho tiếng lòng thổn thức của người Việt Bắc. Giọng nói thân quen ấy vang vọng nơi núi ngàn lộng gió như muốn gọi người chiến sĩ ở lại, như tiếng lòng chẳng muốn rời xa. Chẳng diễn đạt bằng những hình ảnh trừu tượng, Tố Hữu đã gọi trực diện cảm xúc bằng hai tiếng “tha thiết” như làm cho tiếng gọi đó vang vọng hơn, sâu lắng hơn. Câu thơ tiếp theo càng làm rõ hơn điều đó:

*“Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi”*

Từ láy “bâng khuâng”, “bồn chồn” chính là để chỉ tâm trạng người ra đi. “Bâng khuâng” là lưu luyến day dứt, là bước đi chẳng rời, là lòng còn trữu nặng những nhớ mong. Hai chữ bâng khuâng đặt đầu câu khiến âm hưởng thơ day dứt đến lạ lùng! Hẳn bởi cái nỗi lòng khó định hình ấy mà người đi “bồn chồn” như còn lo lắng điều gì. Tất cả hội lại đã tạo nên tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng về xuôi: ấy là sự sâu nặng sóng đôi cùng lòng thủy chung sắt son của người ở lại!

Hai câu thơ cuối là hình ảnh chia tay đầy nước mắt giữa người chiến sĩ cách mạng và người Việt Bắc:

*“Áo chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…”*

“Áo chàm” ánh lên trong sắc xanh của núi rừng, trong cái thoáng lạnh sắt se đã trở thành biểu tượng của một trái tim ấm nồng. Bởi áo chàm ấy chính là dáng vẻ nhỏ bé, tháo vát mà chăm chỉ, cần cù của đồng bào Việt Bắc. Từ “phân li” cất lên biến không khí của buổi tạm biệt trở nên thấm đẫm ân tình. Ấy chẳng phải lời chào trở về thông thường, mà hơn cả nó là cảm giác của sự phân nửa, của li biệt, của chia xa một phần gắn bó. Trong cái cầm tay trao nhau ân tình, chẳng biết nói chi bởi ân tình sao cất đủ thành lời. Không nói ra được họ chỉ biết cầm tay nhau, chỉ hành động “cầm tay” thôi đã cho ta cảm nhận thấy tình yêu thương mặn nồng giữa họ. Hành động “cầm tay” thay cho những lời nói yêu thương, những lời gửi gắm, tình cảm giữa họ dường như được truyền hết qua hành động ấy. Đó còn là sự thể hiện tình cảm, tâm trạng chưa xa đã nhớ của người chiến sĩ cách mạng và đó cũng chính là tiếng lòng của họ. “*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…”* dấu chấm lửng đặt ở cuối câu, kết hợp với nhịp thơ ngắt quãng, ngập ngừng đã diễn tả nỗi niềm đầy xúc động, bâng khuâng cùng tâm trạng bối rối, xao xuyến, lưu luyến. Qua đó thể hiện nỗi tiếc thương nhung nhớ, khẳng định tình cảm gắn bó sâu đậm của người Việt Bắc và người chiến sĩ cách mạng. Chỉ vẻn vẹn có bốn câu thơ với 28 chữ Tố Hữu đã cho người đọc hòa mình vào cuộc chia tay, cũng là lời của người ra đi nói với người ở lại đã làm cho người đọc xúc động nghẹn ngào

Không chỉ thành công về nội dung, đoạn thơ còn thành công về nghệ thuật. Với lối đối đáp, cách xưng hô mình - ta, điệp từ, điệp ngữ cùng với hình ảnh hoán dụ, từ láy, ngôn từ bình dị, đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.

Với giọng thơ lục bát nhẹ nhàng mà sâu lắng kết hợp với kết cấu xưng hô “Ta- mình”, bài thơ ôm chứa bao nhiêu là niềm lạc quan, vui sống và tin tưởng vào con người Việt Bắc. Nó mang âm điệu của trữ tình,thể hiện tình yêu thiên nhiên , con người tha thiết và tấm lòng yêu nước của Tố Hữu. Cuối bài thơ vang lên tiếng hát ngọt ngào khơi gợi lên bao kỉ niệm . Kỉ niệm ấy theo mãi trong lòng người đi và quấn quýt trong từng dấu chân của người ở lại. Lời thơ với giọng điệu giản dị mà trong sáng thể hiện niềm rung động thật sự trước vẻ đẹp của núi rừng và con người Việt Bắc. Nỗi nhớ của nhà thơ Tố Hữu đã đi vào trong lòng người đọc, như khúc dân ca dịu dàng để lại bao say đắm ngọt ngào về một mảnh đất đã gắn bó với biết bao con người, mà có lần Chế Lan Viên đã từng viết:

*“ Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở*

*Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn”*

**Phân tích đoạn thơ từ:**

**“Nhớ gì như nhớ người yêu**

**….**

**Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”**

**BÀI LÀM**

**I. MỞ BÀI**

Tố Hữu – cánh chim đầu đàn của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại – người đã thổi vào những sự kiện chính trị, những dấu mốc của lịch sử nước nhà một hơi thở văn chương trữ tình, ngọt ngào, tâm tình và đầy tha thiết. Trong từ lời thơ của ông, luôn văng vẳng tiếng lòng của một con người khắc sâu tình đồng chí, nghĩa đồng bào, lòng yêu dân yêu nước và ân tình cách mạng. Một trong số ấy phải kể đến “Việt Bắc” – “một đỉnh thơ cao mà Tố Hữu đã bước lên” (Xuân Diệu)! Tác phẩm là khúc ca hùng tráng và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến; là khúc hát ân tình chung của những người cách mạng, những người kháng chiến, của cả dân tộc qua tiếng lòng của nhà thơ. Ân tình ấy được thể hiện rất rõ trong đoạn thơ:

**“Nhớ gì như nhớ người yêu**

**….**

**Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”**

**II. THÂN BÀI**

**1. Khái quát**

Việt Bắc là quê hương cách mạng, là căn cứ địa vững chắc của cuộc kháng chiến, nơi đã che chở, đùm bọc cho Đảng, Chính phủ, bộ đội trong suốt những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian khổ. Và chiến thắng Điện Biên Phủ đã in một dấu son chói lọi vào lịch sử nước nhà, đã minh chứng cho lòng quyết tâm vượt qua bao hiểm nguy để đối đầu trực diện kẻ thù bảo vệ nước nhà. Bài thơ “Việt Bắc” được viết vào tháng 10/1954, khi Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác Hồ và cán bộ kháng chiến từ giã “Thủ đô gió ngàn” về với “Thủ đô Hoa vàng nắng Ba Đình” sau chiến thắng đầy vẻ vang của chiến dịch Điện Biên Phủ. Cả bài thơ là một niềm hoài niệm nhớ thương tuôn chảy về những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc rất gian khổ nhưng vui tươi hào hùng. Đoạn thơ thuộc vào 90 câu thơ đầu – khúc khải hoàn ca về những tháng ngày gian khổ nhưng vẻ vang và đầy ắp ân tình giữa người chiến sĩ cách mạng và đồng bào Việt Bắc.

**2. Nhớ thiên nhiên thanh bình, yên ả và thơ mộng (6 câu)**

Việt Bắc là một bài thơ trữ tình cách mạng. Mối tình giữa Việt Bắc và người cán bộ cách mạng được Tố Hữu diễn tả như một mối tình riêng. Tố Hữu hình tượng hoá Việt Bắc và người cán bộ cách mạng như một đôi bạn tình. Đôi bạn tình đã chung sống với nhau mười lăm năm "thiết tha, mặn nồng", giờ đây họ chia tay nhau vì người cán bộ phải đi làm nhiệm vụ mới. Buổi chia li đầy lưu luyến lại phảng phất không khí của những buổi chia tay của những đôi bạn tình trong ca dao hàng trăm năm nay. Tố Hữu mượn thể hát đối đáp rất dân tộc, đồng thời cũng mượn luôn cả ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân tộc, để thể hiện những tình cảm mới. Ta với mình tưởng như chỉ có thể có một đời sống riêng trong ca dao, với Tố Hữu, bỗng lớn dậy, tự nhiên thoải mái đi thẳng vào đời sống chung của dân tộc, ôm trùm lấy những tình cảm lớn của thời đại. Người đi người ở, đối đáp nhau, ướm hỏi nhau, nhưng kì thực chính là tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng, đang chìm trong những ký ức chẳng hề muốn bước ra. Bởi vậy mà nỗi nhớ được bật thốt lên một cách đầy tự nhiên:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu”*

Nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến với Việt Bắc vừa đa dạng, vừa cụ thể. Trong cuộc đời, có mảnh đất nào đã đi qua lại không để lại thương nhớ cho lòng người. Trong hoài niệm của nhà thơ, Việt Bắc không chỉ là những ngày mưa rừng sương núi mà còn là một vùng đất thơ mộng, thanh bình, yên ả. Sự mong nhớ ấy được tác giả so sánh với nỗi nhớ người yêu, nó cồn cào, da diết, cháy bỏng trong tâm hồn của những người chiến sĩ. Một dòng thơ mà hai lần chữ “nhớ” được điệp lại! Nỗi nhớ cứ lơ lửng ám ảnh mãi tâm trí người đi đến mức không thể kìm nén được. Lời thơ buông ra với ngữ điệu hết sức đặc biệt, nửa như nghi vấn, nửa như cảm thán tạo ấn tượng, len lỏi vào tâm trí người đọc. “Như nhớ người yêu” là hình ảnh so sánh, ví von thật lãng mạn, tình tứ. Nỗi nhớ Việt Bắc được cảm nhận như nỗi nhớ thương người yêu. Có khi ngẩn ngơ, ngơ ngẩn, có khi bồn chồn, bối rối, bổi hổi, bồi hồi. Khi da diết khắc khoải, khi lại đau đáu thăm thẳm. Nỗi nhớ về một miền đất tự nhiên trở nên thật gần gũi, thân quen. Nỗi nhớ khi chia xa Việt Bắc phải chăng hàm chứa mọi cung bậc cảm xúc ấy. Với hình ảnh so sánh này, Tố Hữu thực sự là một tình nhân đắm đuổi trước Việt Bắc, trước nhân dân đất nước mình. Tứ thơ “Nhớ gì như nhớ người yêu” đã đưa thi phẩm Việt Bắc trở thành khúc tình ca bậc nhất trong thơ ca Cách mạng. Quả không sai khi Xuân Diệu nhận xét: “Tổ Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ thơ rất đỗi trữ tình”. Khám phá câu thơ: “Nhớ gì như nhớ người yêu”, ta bỗng vỡ lẽ hiểu ra rằng lối kết cấu đối đáp cùng cách xưng hô “ta – mình” trong Việt Bắc không đơn thuần là sáng tạo hình thức, là câu chuyện ngôn ngữ. Tình cảm giữa cán bộ cách mạng và đồng bào chiến khu thiết tha, mặn nồng như tình đôi lứa khiến nhà thơ tìm đến cách cấu tứ xưng hô như vậy.

Chảy về trong nỗi nhớ niềm thương là cảnh sắc Việt Bắc thơ mộng hiền hòa:

*“Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*

*Nhớ từng bản khói cùng sương*

*Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

*Nhớ từng rừng nứa bờ tre*

*Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.”*

Những câu thơ như một bức họa gợi cảm về cảnh rừng Việt Bắc thơ mộng, hữu tình. Có đêm trăng huyền ảo, mảnh trăng lấp ló nơi đầu núi, có những chiều tòa rằng trên nương và hình ảnh những nếp nhà, bản làng thấp thoáng trong sương khối bồng bềnh. Không miêu tả chi tiết. Tố Hữu chỉ chấm phá, khơi gợi. Tuy nhiên, với những người trong cuộc, chỉ chừng ấy thôi cũng đủ bồi hồi, xao xuyến biết bao. Hòa cùng vẻ đẹp bình dị và thơ mộng của thiên nhiên Việt Bắc là hình ảnh con người Việt Bắc rất đỗi thân thương:

*“Sớm khuya bếp lửa người thương đi về”*

Hình ảnh thơ gợi tả tinh tế sự tần tảo, đảm đang, chịu thương, chịu khó của những cô gái nuôi quân nơi chiến khu Việt Bắc. Không quản khó nhọc gian nan, những thiếu nữ Việt Bắc vẫn sớm hôm cần mẫn nuôi dấu cán bộ. Hình ảnh bếp lửa gợi những buổi đoàn tụ ấm cùng và nghĩa tình quân dân nồng đượm. Tình quân dân, cách mạng mà mang không khí ấm áp, yêu thương như tình cảm gia đình. Cách nói “người thương” khéo léo, nhiều sức gợi, chứa chan tình cảm dịu dàng mà nồng nàn, yêu thương. Kết thúc khổ thơ, tình cảm lại toả ra tràn ngập cả núi rừng Việt Bắc. Những kỷ niệm chung và riêng đan xen nhau, lần lượt hiện ra trong tưởng tượng của người đi:

*“Nhớ từng rừng nứa bờ tre*

*Ngài Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy"*

Những đồi tre bát ngát, những dòng suối mát trong, con sông hiền hòa, tất cả cứ in sâu trong nỗi nhớ người về. Nhắc đến dòng sông, đồi núi, rừng nứa, bờ tre là dưng dưng bao kỉ niệm, đong đầy bao yêu thương. Những cái tên: Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê có lẽ không đơn thuần chỉ là những địa danh mà còn ẩn chứa bao kỉ niệm cảm xúc. Những địa danh gửi gắm bao nỗi nhớ niềm thương của một người sắp phải rời xa mảnh đất mình từng ngắn bó, có biết bao kỷ niệm thân thương, chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ cùng nhân dân cần lao. Nếu có một ngày trở lại mảnh đất này, lòng của người nghệ sĩ có lẽ sẽ vui mừng không xiết, giống như Chế Lan Viên đã từng viết:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ*

*Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa*

*Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa*

*Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

**3. Nếp sống của con người Việt Bắc vô cùng gian khổ nhưng nghĩa tình sâu nặng (6 câu thơ tiếp)**

Nối tiếp khúc ca nỗi nhớ cảnh thiên nhiên Việt Bắc, là những tiếng nhớ tiếng thương hướng tới những đồng bào đã từng gắn bó sắt son. Hình ảnh con người Việt Bắc hiện lên thân thương mộc mạc cần thế kỷ niệm một thời không thể nào quên:

*“Ta đi ta nhớ những ngày*

*Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi*

Lời cán bộ kháng chiến giãi bày vời đồng bào chiến khu chan chứa yêu thương trong lời xưng hô “ta-mình”. Câu trên là lời xác nhận về sự chia li xa cách, là lời khẳng định về nỗi nhớ khôn nguôi. Câu dưới ùa về biết bao kỉ niệm, bao gắn bó giữa “ta-mình” trong suốt 15 năm ấy. Biết bao xúc động bồi hồi cùng những ngọt ngào dưng dưng dồn chứa trong mấy chữ “đắng cay, ngọt bùi” và dấu chấm lửng cuối dòng thơ. Những gắn bó gian khổ, ngọt bùi đã trở thành những kỷ niệm da diết trong trái tim người đi khó có thể quên được. Kỉ niệm chưa rõ hình hài, dáng nét nhưng nồng lên vị đắng cay lẫn ngọt bùi. Đắng cay là những thiếu thốn gian khổ, nhọc nhằn của đời sống vật chất. Còn ngọt bùi là nghĩa tình yêu thương giữa đồng bào chiến khu và cán bộ kháng chiến. Người đi muốn nhắn gửi với người ở lại rằng người về xuôi sẽ không quên bất cứ một kỉ niệm, một kí ức nào.

Cuộc sống của đồng bào Việt Bắc tuy nghèo khó nhưng là những con người giàu tình nghĩa:

*Thương nhau chia củ sắn lùi*

*Bát cơm sẻ nửa chặn sui đắp cùng”*

Họ sẵn sàng chia sẻ cho người cán bộ kháng chiến từng “bát cơm”, “củ sắn lùi”, mảnh “chăn sui”. Hình ảnh thơ thật mộc mạc, giản dị như chính bản thân cuộc sống vậy. Chữ “sẻ nửa” chắt chiu biết bao yêu thương, biết bao ân tình, của 15 năm đồng cam cộng khổ. Ở đây không phải sẻ chia những gì lớn lao như tính mệnh hay xương máu, mà sẻ chia những điều bình thường nhỏ bé hàng ngày. Vật chất thật ít ỏi, đơn sơ mà nghĩa tình thật sâu sắc, thiêng liêng. Tình đồng bào, đồng chí mà ấm áp thân thương như tình cảm gia đình ruột thịt. Giữa cán bộ và đồng bào dường như không còn khoảng cách nào nữa. Chỉ bằng hai câu thơ. Tố Hữu đã tái hiện lại cả một thời kì với những năm tháng gắn bó của tình quân dân như cá với nước, thân tình như trong đại gia đình lớn - dân tộc Việt Nam.

Đặc biệt, Tố Hữu không thể nào quên hình ảnh những người mẹ:

*“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng,*

*Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”*

Hình ảnh những bà mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó cõng con, cõng cả nắng trời cháy trên lưng trên rẫy bẻ từng bắp ngô, nuôi giấu cán bộ cứ trở đi trở lại trong thi phẩm của nhà thơ. Hai chữ “cháy lưng” nhói lên nỗi xót thương vô hạn của tác giả đối với những bà mẹ Việt Bắc. Hai dòng thơ như thước phim quay chậm cận cảnh người mẹ Việt Bắc lên rẫy. Trời nắng chang chang, đường lên rẫy xa xôi, con còn quá thơ bé, non nớt, người mẹ vẫn cần mẫn lên nương, lên rẫy miệt mài bẻ từng bắp ngô. Trước ngực đứa con thơ, sau lưng gùi ngô nặng, tấm lưng cháy nắng khó nhọc, gian nan không kể siết. Nhưng tất cả vì gia đình, vì cách mạng, vì kháng chiến, người mẹ Việt Bắc vẫn băng qua mọi gian khó. Hình ảnh nắng cháy lưng thực sự là nhãn tự của câu thơ, nó khắc sâu vào tâm trí người đọc sự lam lũ, vất vả, cơ cực cùng sự tần tảo, đức hi sinh cao quý của người mẹ Việt Bắc. Thật xúc động khi Tố Hữu cất lên tiếng gọi mẹ tha thiết, phải chăng với Tổ Hữu, Việt Bắc trở thành gia đình mà nơi ấy có người mẹ ta chịu ơn suốt đời. Và chính người mẹ là nhân vật lịch sử góp phần làm nên những chiến thắng oanh liệt của dân tộc nên thơ ca Việt Nam nhiều lần thổn thức bởi hình ảnh cái “lưng” của người mẹ:

*“Bóng tròn che lưng mẹ*

*Nhớ về anh mę khóc”*

(Bóng cây kơ nia – Ngọc Anh)

*“Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

*Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”*

(Khúc hát ru những em bé ngủ trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm)

**4. Nghệ thuật**

Bài thơ Việt Bắc nồng đượm hương vị ca dao dân tộc. Một trong những yếu tố tạo ra màu sắc dân tộc đó là ngôn ngữ. Ngôn ngũ dân tộc được Tố Hữu vận dụng rất nhuần nhị. Những từ vốn có một đời sống riêng trong ca dao được nhập với gia đình ngôn ngữ hiện đại. Ta, mình đã mang lại cho bài thơ trữ tình cách mạng một màu sắc tình cảm đặc biệt thấm thía, làm riêng cả mối tình chung. Và ta, mình đi qua tâm hồn Tố Hữu lại cũng được sáng ra, lấp lánh những ý nghĩa mới. Ta với mình ấy là dân tộc. Ta với mình ấy là hiện đại. Có lẽ về mặt này nhiều ngôn ngữ trên thế giới phải đến thèm khát sự giàu có ý nghĩa của đại từ trong ngôn ngữ của ta. Không chỉ vậy, Tố Hữu thả vào thơ mình những cấu tứ vừa gần gũi, vừa thực, vừa thơ lại rất đỗi sáng tạo. Tất cả tựu lại cùng nhau, họa ra một sắc thơ rất riêng của lá cờ đầu văn học cách mạng Việt Nam – Tố Hữu!

**III. Kết bài**

Với những nét vẽ đơn sơ, giản dị, Tố Hữu đã gợi lên trong lòng độc giả một bức tranh thiên nhiên thật thanh bình, yên ả và nổi bật trên ấy là những con người Việt Bắc nghĩa tình, gắn bó. Chưng ấy hình ảnh đã tan chảy thành nỗi nhớ nhung da diết trong tâm hồn người chiến sĩ về xuôi. Từng kỷ niệm nay thành hình thành dáng, quấn quýt lấy từng bước chân người ra đi, nửa như tiễn biệt, nửa như níu kéo; vưa dịu dàng lại say đắm thiết tha như cách Chế Lan Viên đã viết:

*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*

*Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn!*

**4. Phân tích đoạn thơ từ:**

**“Mình đi có nhớ những ngày**

**….**

**Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa”**

**BÀI LÀM**

Tố Hữu – cánh chim đầu đàn của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại – người đã thổi vào những sự kiện chính trị, những dấu mốc của lịch sử nước nhà một hơi thở văn chương trữ tình, ngọt ngào, tâm tình và đầy tha thiết. Trong từ lời thơ của ông, luôn văng vẳng tiếng lòng của một con người khắc sâu tình đồng chí, nghĩa đồng bào, lòng yêu dân yêu nước và ân tình cách mạng. Một trong số ấy phải kể đến “Việt Bắc” – “một đỉnh thơ cao mà Tố Hữu đã bước lên” (Xuân Diệu)! Tác phẩm là khúc ca hùng tráng và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến; là khúc hát ân tình chung của những người cách mạng, những người kháng chiến, của cả dân tộc qua tiếng lòng của nhà thơ. Mười hai dòng thơ sau đây là lời nhắn nhủ của người ở lại tới người ra đi về những kỷ niệm đầy ắp ân tình:

**“Mình đi có nhớ những ngày**

**….**

**Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa”**

Ra đời vào tháng 10 năm 1954 khi Tố Hữu chứng kiến cuộc chia tay lịch sử của nhân nhậnViệt Bắc với người cán bộ cách mạng về xuôi, bài thơ ghi lại tâm tình của người đi – ngườicán bộ cách mạng, người ở lại – nhân dân Việt Bắc để bày tỏ tấm lòng của mình với cách mạngvà nhân dân. Nghĩa tình cao đẹp ấy được chuyển tải bằng lối thơ đậm đà tính dân tộc. Đoạn trích tuy chỉ mười hai dòng thơ nhưng mang nội dung đậm đà tính dân tộc. Đó là lờinhắc nhở về những kỉ niệm kháng chiến ân tình suốt mười lăm năm gắn bỏ. Vì thế trong lờinhắn nhủ về nỗi nhớ ta nhận ra vẻ đẹp của thiênnhiên con người mang đậm màu sắc dân tộc:

*“Mình đi, có nhớ những ngày*

*Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù.”*

Hình ảnh quen thuộc của bức tranh thiên nhiên Việt Bắc hiện lên một cách chân thật với “mưa nguồn suối lũ”, “mây cùng mù” - thiên nhiên khắc nghiệt tiềm ẩn bao nguy hiểm. Đó cũng chính là môi trường kháng chiến gian khổ nhiều khó khăn thử thách mà quân và dân ta đã gắn bó trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ấy là những ngày đất trời ngập trong cơn mưa xối xả, bất chợt của vùng thượng nguồn, là cơn lũ hung tàn cuốn qua quét hết nhà cửa, bản làng. Và cũng là những ngày sương giăng khắp ngọn cỏ cành cây, nhấn cả núi non trong một bể “mây mù”, là những ngày chiến đấu trong giá rét, là con đường hành quân mờ ảo khó nhọc. Những dấu ấn thiên nhiên đó chỉ có nơi vùng non cao, đã tái hiện lại cuộc sống, chiến đấu đầy ắp những khó khăn, thiếu thốn. Cặp hình ảnh “mưa nguồn suối lũ”, “mây cùng mù” đặt cạnh nhau như đổ đầy vào câu thơ những khó khăn liên tục và chất chồng, ấy chẳng phải ngày một ngày hai, càng chẳng phải một nét khắc nghiệt thoáng qua mà chính là Việt Bắc, là thiên nhiên Việt Bắc trải dài trong suốt mười lăm năm gắn bó của người ở - người đi.

Để khắc phục và thích nghi được, người cán bộ đã được người dân vùng chiến khu giúp đỡ, chia sẻ, bởi vậy những ngày tháng khắc nghiệt đó đã trở thành kỉ niệm đẹp của họ. Người ở lại còn nhắc về những kỉ niệm của một thời chiến khu đồng cam cộng khổ, phép tương phản giữa hoàn cảnh và ý chí:

*Mình về có nhớ chiến khu*

*Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?*

Hình ảnh thơ xúc động được diễn đạt theo hình thức tiểu đối nhấn mạnh về hồi ức những ngày “miếng cơm chấm muối”. Nhưng trong gian khổ thử thách; người đi kẻ ở, cách mạng với nhân dân cùng đồng cam cộng khổ, chia sẻ ngọt bùi. Họ đoàn kết sánh vai nhau vì mục đích lí tưởng chung: “mối thù nặng vai”. Câu thơ rất thực và đời. Nó thực vì cuộc sống của đồng bào cùng cán bộ ở đây rất gian khó, ăn cơm chấm muối nhưng vẫn luôn một lòng vì tổ quốc quyết sinh, sẵn sàng chiến đấu, chung thủy sắt son với đảng, với cách mạng. Tố Hữu không cần phải ví von những hình ảnh cao siêu, tất cả vô cùng dung dị, gần gũi thực tế. Đó là cuộc sống mà ông cũng như đồng đội, đồng bào Việt Bắc đã trải qua và nó đã ghi dấu ấn vô cùng ấn tượng trong trái tim. Hình ảnh hoán dụ mối thù nặng vai, gợi liên tưởng đến mối thù sâu nặng của nhân dân đối với những kẻ cướp nước, những kẻ đan tâm bán nước ta cho giặc. Đồng thời còn là lời nhắc nhở kín đáo của người ở lại về một thời rất đỗi tự hào, mình và ta đã cùng sát cánh bên nhau, cùng nhau tiêu diệt kẻ thù chung, giành lại độc lập tự do và đem đến cho nhân dân cuộc sống hạnh phúc, ấm no. Nghệ thuật tiểu đối kết hợp với cách ngắt nhịp 2/2/2 - 4/4 đều đặn khiến cho câu thơ trở nên nhịp nhàng, cân đối, lời thơ càng thêm tha thiết.

Bên cạnh hình ảnh thiên nhiên, hình ảnh con người cũng hiện lên cụ thể và bình dị:

*“Mình về, rừng núi nhớ ai*

*Trám bùi để rụng, măng mai để già.”*

Một lời nhắn nhủ kín đáo mà ẩn chứa bao nhiêu tâm sự. Đó là một nỗi nhớ da diết, bâng khuâng khi gợi nhớ đến “trám bùi”, “măng mai” những sản phẩm của núi rừng một thời là nguồn lương thực nuôi cách mạng trong những ngày gian khó thể hiện một khát khao, một tỉnh cảm lớn lao của con người Việt Bắc với cán bộ cách mạng về xuôi. Mình về khiến núi rừng Việt Bắc bỗng trở nên trống vắng, buồn bã đến lạ thường, ngay cả khi trám bùi, măng mai mà cũng không ai thu hái. Người ở lại đã bộc lộ tình cảm của mình thật chân thành, tha thiết, mộc mạc, giản đơn biết bao!

*“Mình đi, có nhớ những nhà*

*Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son.”*

Khung cảnh Việt Bắc hoang vu, vắng lặng và cuộc sống nghèo nàn “hắt hiu lau xám” nhưng con người luôn có một lòng thủy chung sâu sắc. Họ là những con người bình dị, thầm lặng hi sinh và cống hiến cho cách mạng. Từ láy “hắt hiu” kết hợp với hình ảnh đặc trưng của thiên nhiên Việt Bắc lau xám càng làm nổi bật hơn khung cảnh hoang vắng, đơn sơ, im lặng nơi núi rừng. Nhưng đối lập với khung cảnh ấy là tấm lòng son, tấm lòng ấm áp và chân thành của con người Việt Bắc. Chính họ là những người luôn gắn bó với cách mạng từ những ngày đầu kháng chiến.

Cuối cùng là lời trao gửi của người ở lại để nhắc nhớ về hành trình kháng chiến của toàn dân tộc với những chặng đường đáng nhớ:

*“Mình về, còn nhớ núi non*

*Nhở khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh.*

*Mình đi, mình có nhớ mình*

*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?”*

Trong câu hỏi cuối: có đến ba từ “mình”. “Mình” thứ nhất và thứ hai để chỉ người ra đi. Vậy còn từ “Mình” thứ ba? Vẫn là người ra đi? Hay đó là người ở lại? Không thể phân biệt được! Có lẽ là cả hai. Mình và ta giờ đã không còn phân biệt được nữa rồi. Mình là ta, ta và mình hòa quyện trong nhau, cùng sống, cùng lí tưởng, cùng chiến đấu để cùng tận hưởng niềm vui chiến thắng. Những tình cảm đó, sẽ là “ta” đi theo mình đến mọi chặng đường, dù khi ấy “mình” có đi đâu chăng nữa.

Đoạn thơ gợi nhắc về những tháng năm kháng chiến, những ân tình cách mạng mà không hề khô khan, giáo điều mà rất nhẹ nhàng, tự nhiên đi vào lòng người đọc bởi thể thơ lục bát quen thuộc, kết cấu của những câu hát yêu thương tình nghĩa với giọng điệu thiết tha, da diết. Hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc mà có sức gợi đến bất ngờ. Chính những năm tháng ấy, những con người ấy là điểm tựa, là động lực để làm nên những chiến thắng “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Nếu nói văn học chính là “tấm gương lớn di chuyển trên đường cái”, là “phong vũ biểu của thời đại” thì “Việt Bắc” của Tố Hữu chính là tác phẩm như thế. Nó đã làm trọn trách nhiệm của mình, của văn học: phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu.

Xin mượn lời của nhà thơ Chế Lan Viên thay cho lời kết: “Thơ Tố Hữu là thơ một con người biết trân trọng lấy đời mình, muốn làm cho đời mình trở nên hữu ích. Vậy thì ai kia còn phung phí đời mình, làm gì cũng được, sống sao cũng xong, trong khi đọc thơ này hãy bắt đầu thử dừng lại mà biết quý lấy đời mình, mà đem xây dựng nó.” Mười hai dòng thơ là lời nhắn nhủ nhẹ nhàng sâu lắng của người ở lại với người cán bộ về xuôi. Qua đoạn thơ, người đọc càng thấy rõ hơn chất riêng của Tố Hữu – nhà thơ của trữ tình chính trị, khi đã sáng tạo nên Việt Bắc như một khúc tình ca, một bản hùng ca bất diệt mang đậm tính dân tộc trong từng hơi thở của thời đại.